https://nhathuocngocanh.com/

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Lần đầu: 9/4/15

Ferich® 10 ml Số lô SX: HD: Không được tiêm
Sắt protein succinylate 600mg
tương ứng Fe(III) 30mg
Sx tại: CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Ferich®
Sắt protein succinylate 600mg
tương ứng Fe(III) 30mg

Rx Thuốc bán theo đơn

Ferich®

Sắt protein succinylate 600mg
tương ứng Fe(III) 30mg

Hộp 15 ống x 10 ml dung dịch uống

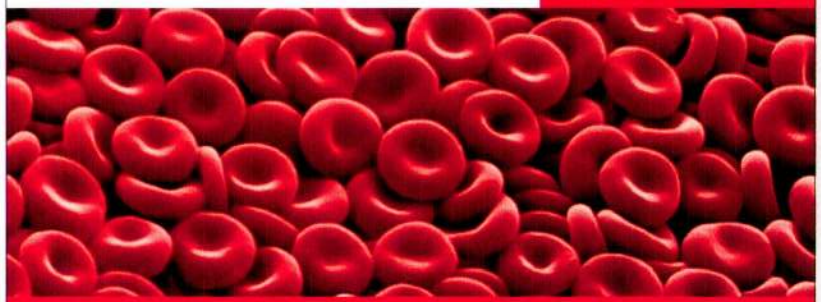

Không được tiêm

GMP WHO

Thành phần/ Compositions:
Mỗi 10ml dung dịch uống có chứa/
Each 10ml oral solution contains:
Sắt protein succinylate 600mg
Tương ứng Fe(III) .....30mg.
Tá dược vđ/ Excipient q.s.f .... 10ml.

Chỉ định, Cách dùng - Liều dùng, Chống chỉ định và các thông tin khác/ Indications, Administration - Dosage, Contraindications and other information:
Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc bên trong hộp/ See the package insert inside.

Để xa tầm tay trẻ em/
Keep out of reach of children
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng/ Carefully read the accompanying instructions before use.

125 x 115 x 37

Rx Prescription only

Ferich®

Sắt protein succinylate 600mg
tương ứng Fe(III) 30mg

Box of 15 vials of 10ml oral solution

Not injection

GMP WHO

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

Ferich®

Bảo quản/ Storage:
Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C/
Store in a dry place, below 30°C.

Tiêu chuẩn/ Specifications:
TCCS/ Manufacturer's.

SĐK:
Số lô SX:
Ngày SX:
HD:

Sản xuất tại/ Manufactured by:
CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY/ HATAY PHARMACEUTICAL J.S.C
Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - Hà Nội/
Population groups No. 4 - La Khe - Ha Dong - Ha Noi

Phân phối bởi/ Distributed by:
CÔNG TY CP TM DƯỢC PHẨM QUỐC KỲ/
NATIONAL FLAG PHARMA. JSC
Số 36/53 Võ Trọng Phụng - P. Thanh Xuân Trung - Q. Thanh Xuân - Hà Nội

163, 154

https://nhathuocngocanh.com/

Hướng dẫn sử dụng thuốc

FERICH

Dạng thuốc: Dung dịch uống

Qui cách đóng gói: Hộp 3vỉ x 5 ống 10ml

Công thức bào chế: Mỗi 10 ml dung dịch uống chứa:

Sắt protein succinylat	600mg
tương ứng với Fe(III)	*30mg*
Tá dược vừa đủ	10ml

(Tá dược gồm: Natri citrat, Acid citric, Natri benzoat, Dibasic natri phosphat, Dinatri edetat, Tinh dầu cam, Sucralose, Aspartam, Gôm arabic, Nipagin, Nipasol, Glycerin, Đường trắng, Ethanol 96^0, Nước tinh khiết).

Chỉ định: Điều trị tình trạng thiếu hụt sắt, thiếu máu do thiếu sắt và thiếu máu thứ phát ở người trưởng thành trong các trường hợp mất máu mạn tính, phụ nữ mang thai và cho con bú.

Cách dùng và liều dùng:

Thuốc được uống nguyên ống hoặc pha loãng với một lượng nước lọc vừa phải (hoặc nước mát). Tốt nhất uống trước bữa ăn.

- Người lớn : 1-2 ống/ngày (tương đương 30-60 mg sắt (Fe^{3+})/ngày, hoặc theo sự hướng dẫn của bác sỹ điều trị.
- Trẻ em : 1- ống/ngày (tương đương 30 mg sắt (Fe^{3+})/ngày, hoặc theo sự hướng dẫn của bác sỹ điều trị.

Chống chỉ định: Quá mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc. Bệnh nhân bị hội chúng tế bào nhiễm sắt, bênh nhân bị chứng nhiễm sắc tố sắt. Bệnh nhân thiếu máu tan huyết hay thiếu máu bất sản, thiếu máu do rối loạn hấp thu sắt (thiếu máu do mất chức năng sử dụng sắt).

Thận trọng: Không có lưu ý hay khuyến cáo đặc biệt nào về nguy cơ của sự dung nạp thuốc. Thời gian điều trị không nên quá 06 tháng trừ trường hợp chảy máu kéo dài, rong kinh hay có thai.

Tác dụng không mong muốn:

Không thường xuyên: Một số phản ứng phụ ở đường tiêu hóa như đau bụng, buồn nôn, nôn, táo bón. Phân đen (không có ý nghĩa lâm sàng). Răng đen (nếu dùng thuốc nước): nên hút bằng ống hút.

Trong rất ít trường hợp, có thể thấy nổi ban da.

Đã thấy thông báo có nguy cơ ung thư liên quan đến dự trữ quá thừa sắt.

**** Ghi chú: Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc".***

Tương tác với thuốc khác, các dạng tương tác khác:

Tránh dùng phối hợp sắt với ofloxacin, ciprofloxacin, norfloxacin.

Uống đồng thời với các thuốc kháng acid như calci carbonat, natri carbonat và magnesi trisilicat, hoặc với nước chè có thể làm giảm sự hấp thu sắt.

Sắt có thể chelat hóa với các tetracyclin và làm giảm hấp thu của cả hai loại thuốc. Sắt có thể làm giảm hấp thu của penicilamin, carbidopa/levodopa, methyldopa, các quinolon, các hormon tuyến giáp và các muối kẽm.

Nên dùng Ferich cách 2 giờ hoặc sau khi dùng những thuốc kháng sinh Penicillin ... Khi dùng đồng thời Chloraphennicol có thể làm chậm đáp ứng của liệu pháp điều trị dùng sắt. Không có báo cáo nào về tương tác dược lý khi sử dụng đồng thời Ferich với những thuốc đối kháng histamine H2.

https://nhathuocngocanh.com/

Quá liều và cách xử trí: Uống liều cao những muối chứa sắt có thể xảy ra những phản ứng như đau thượng vị, buồn nôn, buồn ngủ, xanh xao, xanh tím, thậm chí hôn mê. Điều trị quá liều bằng cách gây nôn ngay lập tức, nếu cần thiết phải tiến hành rửa dạ dày đồng thời áp dụng các liệu pháp hỗ trợ khác. Ngoài ra, nếu cần thiết thì sử dụng những chất có khả năng tạo phức gọng kìm với sắt như Desferrioxamine.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. **Không được dùng thuốc đã quá hạn dùng**.

* *Lưu ý* Khi thấy thuốc bị vẩn đục, chuyển mùi chua, số lô SX, HD mờ. hay có các biểu hiện nghi ngờ khác phải đem thuốc tới hỏi lại nơi bán hoặc nơi sản xuất theo địa chỉ trong đơn.

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30^0C.

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS .

Để xa tầm tay trẻ em
"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ"

THUỐC SẢN XUẤT TẠI: **CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY**
Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - TP. Hà Nội
ĐT: 04.33522203 . FAX: 04.33522203

CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
M.S.D.N: 0500391400
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DS. Nguyễn Bá Lai

TUQ CỤC TRƯỞNG
P.TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Thu Thủy